

# VẤN ĐỀ TÍNH TOÁN THỬ NGHIỆM CHỈ SỐ PHÁT TRIỂN CON NGƯỜI (HDI) TRONG ĐIỀU KIỆN SỐ LIỆU THỐNG KÊ Ở VIỆT NAM

**Nguyễn Văn Phẩm**  
**Vụ Tổng hợp và Thông tin**

Chỉ số phát triển con người, viết tắt từ tiếng Anh là HDI (Human Development Index) là thước đo tổng hợp về sự phát triển con người trên phương diện sức khoẻ, tri thức và thu nhập. HDI được tổng hợp từ ba chỉ tiêu thành phần phản ánh các khía cạnh sau:

- Mức độ sống lâu và khoẻ mạnh, được đo bằng tuổi thọ trung bình từ lúc sinh (hay còn gọi là tuổi hy vọng sống tại lúc sinh);
- Trình độ tri thức, được đo bằng tỷ lệ người lớn biết chữ (với quyền số 2/3) và tỷ lệ nhập học của các cấp giáo dục tiểu học, trung học và đại học (với quyền số 1/3);

- Mức độ đầy đủ vật chất, được đo bằng GDP thực tế bình quân đầu người theo sức mua tương đương tính bằng đô la Mỹ (PPP USD).

Chỉ số HDI là giá trị trung bình của ba chỉ số thành phần về sức khoẻ, tri thức và thu nhập. Do vậy, trước khi có thể tính được chỉ số HDI, cần phải xác định ba chỉ số thành phần này.

Như vậy, HDI là thước đo tổng hợp đo lường trình độ phát triển hơn là tiêu chí chỉ thuần tuý sử dụng tốc độ tăng trưởng GDP.

HDI có nhiều công dụng: được dùng làm công cụ quản lý và đề ra chính sách;

được coi là một trong những chỉ tiêu thống kê quan trọng của các hệ thống chỉ tiêu phát triển; nó đã trở thành mục tiêu phấn đấu trong Chiến lược phát triển toàn cầu cũng như của nhiều quốc gia, vùng lãnh thổ; HDI được sử dụng trong các công trình phân tích kinh tế-xã hội; HDI được dùng để so sánh trình độ phát triển giữa các nước v.v.

Chiến lược phát triển dân số 2001-2010 của Chính phủ cũng đề ra mục tiêu đến năm 2010 phấn đấu đưa chỉ số phát triển con người nước ta lên mức trong khoảng từ 0,700 đến 0,750.

Trong bối cảnh bức xúc về nhu cầu HDI, để làm rõ khía cạnh lý luận và ứng dụng việc tính toán HDI trong hoàn cảnh thực trạng của số liệu thống kê nước ta, để góp phần vào công tác soạn thảo Báo cáo Phát triển con người của nước ta mà TCTK đã thành lập Tổ chỉ đạo, Viện Khoa học Thống kê cho phép triển khai đề tài nghiên cứu khoa học "Tính toán chỉ số phát triển con người (HDI) trong điều kiện số liệu thống kê ở Việt Nam".

Về công thức tính HDI và các chỉ số thành phần đã được một số tác giả trình bày khá rõ trong các số Thông tin Khoa học Thống kê trước đây.

Về yêu cầu đặt ra đối với các số liệu thống kê phục vụ cho tính toán, có thể nói tóm lược rằng cần phải có: tuổi thọ bình quân (hay còn gọi là tuổi hy vọng sống tại lúc sinh) để tính Chỉ số tuổi thọ; tỷ lệ nhập học tổng hợp các cấp giáo dục và tỷ lệ người lớn biết chữ để tính Chỉ số tri thức; GDP bình quân đầu người theo đô la Mỹ hiện hành trên cơ sở sức mua tương đương (PPP-USD) để tính Chỉ số thu nhập.

Vấn đề đặt ra là cần tính toán HDI hàng năm (hoặc chí ít hai năm một lần), không những trên phạm vi toàn quốc mà còn phải tính cho các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

Với những yêu cầu như vậy, sau khi rà soát toàn bộ các ấn phẩm và tư liệu được công bố chính thức của ngành Thống kê, thấy rằng tuổi thọ bình quân và tỷ lệ người lớn biết chữ chỉ được công bố trong các năm có Tổng điều tra dân số; tỷ lệ nhập học chỉ có số liệu riêng của tiểu học, trung học cơ sở, mà không có tổng hợp chung của tất cả các cấp giáo dục; GDP của các tỉnh tuy có nhưng chưa được TCTK thẩm định, chưa có số liệu công bố sẵn về GDP bình quân đầu người theo PPP-USD, chưa tính toán được sức mua tương đương của các tỉnh, thành phố.

Do nhu cầu cấp thiết về HDI, vẫn có thể thực hiện tính HDI trên phạm vi toàn quốc và cho các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương. Với mục đích đó, việc tính toán thử nghiệm cũng đã được tiến hành.

Cơ sở số liệu thống kê sử dụng cho tính toán HDI và các Chỉ số thành phần trong tính toán thử nghiệm của đề tài này được vận dụng như sau:

- Việc tính Chỉ số tuổi thọ cho các tỉnh, thành phố dựa vào số liệu của cuộc điều tra chọn mẫu về biến động dân số và kế hoạch hoá gia đình hàng năm theo Thông tư liên tịch của Tổng cục Thống kê và Ủy ban Quốc gia Dân số và Kế hoạch hoá gia đình (nay là Ủy ban Dân số - Gia đình và Trẻ em). Từ cuộc điều tra này sẽ có thông tin cần thiết để ước lượng tuổi thọ trung bình. Việc tính toán cụ thể cho từng tỉnh, thành phố được dựa trên MORPAK-LITE, phần mềm của Liên Hợp Quốc về

phương pháp tính các chỉ tiêu nhân khẩu học, trong đó có phương pháp ước lượng tuổi thọ trung bình theo số liệu về số con đã sinh và số con còn sống chia theo tuổi của mẹ.

- Việc tính Chỉ số tri thức cho các tỉnh, thành phố được dựa vào số liệu đã công bố sẵn trong các Niên giám Thống kê về số lượng học sinh tại các trường, kết hợp với dân số trong độ tuổi đi học các cấp tương ứng trong Dự báo dân số Việt Nam đến năm 2020. Riêng tỷ lệ người lớn biết chữ thì tham khảo số liệu của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

- Việc tính Chỉ số thu nhập cho các tỉnh, thành phố được tiến hành bằng cách

sử dụng GDP bình quân đầu người của các địa phương theo giá hiện hành, đây là giải pháp tính thể sử dụng trong nghiên cứu với giả thiết GDP bình quân đầu người của các tỉnh tính, được Tổng cục chấp nhận; sử dụng sức mua tương đương (PPP-USD) tính toán được theo kết quả nghiên cứu đề tài khoa học "Tính Tổng sản phẩm trong nước (GDP) theo Sức mua tương đương ở Việt Nam" của Viện Khoa học Thống kê. Đối với PPP của các tỉnh, thành phố thì hiện nay vẫn đang trong quá trình được nghiên cứu hoàn thiện, do đó đề tài đã sử dụng sức mua tương đương chung của toàn quốc để áp cho tất cả các địa phương.

Kết quả tính toán thử nghiệm thu được như sau:

#### CHỈ SỐ HDI CỦA NƯỚC TA VÀ CÁC TỈNH, THÀNH PHỐ

Vùng, tỉnh/Tp	1999	2000	2001	Vùng, tỉnh/Tp	1999	2000	2001
<b>Cả nước</b>	<b>0.673</b>	<b>0.686</b>	<b>0.697</b>	Thừa Thiên Huế	0.645	0.662	0.673
<b>Đồng bằng sông Hồng</b>	<b>0.697</b>	<b>0.706</b>	<b>0.717</b>	<b>Duyên Hải Nam Trung Bộ</b>	<b>0.649</b>	<b>0.666</b>	<b>0.681</b>
Hà Nội	0.786	0.793	0.808	Đà Nẵng	0.736	0.744	0.756
Hải Phòng	0.721	0.727	0.736	Quảng Nam	0.644	0.660	0.673
Vĩnh Phúc	0.678	0.688	0.693	Quảng Ngãi	0.597	0.624	0.645
Hà Tây	0.637	0.653	0.669	Bình Định	0.639	0.656	0.671
Bắc Ninh	0.661	0.679	0.693	Phú Yên	0.626	0.640	0.652
Hải Dương	0.685	0.690	0.697	Khánh Hoà	0.670	0.688	0.705
Hưng Yên	0.680	0.692	0.700	<b>Tây Nguyên</b>	<b>0.603</b>	<b>0.615</b>	<b>0.622</b>
Hà Nam	0.663	0.673	0.676	Kon Tum	0.528	0.555	0.574
Nam Định	0.665	0.673	0.678	Gia Lai	0.532	0.553	0.560
Thái Bình	0.672	0.676	0.684	Đắk Lắk	0.616	0.626	0.632
Ninh Bình	0.655	0.662	0.668	Lâm Đồng	0.674	0.675	0.681
<b>Đông Bắc</b>	<b>0.623</b>	<b>0.635</b>	<b>0.649</b>	<b>Đông Nam Bộ</b>	<b>0.753</b>	<b>0.763</b>	<b>0.769</b>
Hà Giang	0.503	0.529	0.553	Tp Hồ Chí Minh	0.788	0.790	0.797
Cao Bằng	0.566	0.577	0.590	Ninh Thuận	0.618	0.629	0.640
Lào Cai	0.545	0.558	0.586	Bình Phước	0.649	0.658	0.660
Bắc Cạn	0.595	0.610	0.623	Tây Ninh	0.685	0.687	0.691

<i>Vùng, tỉnh/Tp</i>	<i>1999</i>	<i>2000</i>	<i>2001</i>	<i>Vùng, tỉnh/Tp</i>	<i>1999</i>	<i>2000</i>	<i>2001</i>
Lạng Sơn	0.597	0.624	0.639	Bình Dương	0.731	0.739	0.746
Tuyên Quang	0.633	0.643	0.644	Đồng Nai	0.714	0.722	0.729
Yên Bái	0.603	0.617	0.630	Bình Thuận	0.651	0.664	0.670
Thái Nguyên	0.652	0.659	0.672	Bà Rịa - Vũng Tàu	0.813	0.841	0.847
Phú Thọ	0.653	0.664	0.676	<b>Đ.B sông C. Long</b>	<b>0.650</b>	<b>0.660</b>	<b>0.671</b>
Bắc Giang	0.642	0.648	0.663	Long An	0.678	0.679	0.688
Quảng Ninh	0.685	0.692	0.709	Đồng Tháp	0.610	0.625	0.635
<b>Tây Bắc</b>	<b>0.539</b>	<b>0.559</b>	<b>0.577</b>	An Giang	0.646	0.651	0.663
Lai Châu	0.469	0.486	0.504	Tiền Giang	0.674	0.679	0.685
Sơn La	0.536	0.556	0.574	Vĩnh Long	0.675	0.681	0.685
Hào Bình	0.598	0.620	0.638	Bến Tre	0.641	0.658	0.672
<b>Bắc Trung Bộ</b>	<b>0.644</b>	<b>0.658</b>	<b>0.670</b>	Kiên Giang	0.652	0.663	0.673
Thanh Hoá	0.635	0.651	0.668	Cần Thơ	0.648	0.655	0.669
Nghệ An	0.660	0.669	0.679	Trà Vinh	0.636	0.645	0.660
Hà Tĩnh	0.661	0.674	0.681	Sóc Trăng	0.642	0.654	0.667
Quảng Bình	0.626	0.646	0.654	Bạc Liêu	0.634	0.652	0.675
Quảng Trị	0.610	0.624	0.638	Cà Mau	0.660	0.679	0.687

So sánh kết quả tính toán với kết quả công bố của UNDP thấy HDI của Việt Nam như sau:

HDI theo	1999	2000	2001
UNDP	0.682	0.688	...
Đề tài	0.673	0.686	0.697